

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa là vật liệu xây dựng đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4975/TTr-SXD ngày 17 tháng 8 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 471/BC-STP ngày 13 tháng 8 năm 2026; ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh (bằng phiếu biểu quyết),

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa là vật liệu xây dựng đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa là vật liệu xây dựng đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 3 Điều 14 và điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, gồm: đất san lấp, cát xây dựng và đá xây dựng các loại.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về giá, xây dựng, khoáng sản và cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này thuộc Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa thực hiện kê khai giá tại địa phương do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện Quyết định này.

Điều 2. Nguyên tắc xác định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật

1. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa quy định tại Quyết định này được xác định theo tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa nhằm nhận diện, phân loại hàng hóa thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật quy định tại Quyết định này không thay thế tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, hồ sơ thiết kế, yêu cầu của hợp đồng hoặc quy định kỹ thuật của từng công trình. Các chỉ tiêu chất lượng, kỹ thuật cụ thể của hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các tài liệu kỹ thuật liên quan.

3. Quyết định này không quy định mức giá, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc phương pháp định giá đối với hàng hóa.

Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa thực hiện kê khai giá

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa là vật liệu xây dựng đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, gồm:

1. Phụ lục I: Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của đất san lấp thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh;

2. Phụ lục II: Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của cát xây dựng thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh;

3. Phụ lục III: Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của đá xây dựng các loại thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì tổ chức triển khai thực hiện và hướng dẫn thực hiện Quyết định này; theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện và những khó khăn, vướng mắc liên quan.

2. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Xây dựng để cung cấp thông tin chuyên ngành cần thiết phục vụ việc rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng áp dụng có trách nhiệm xác định tên hàng hóa, chủng loại hàng hóa theo đặc điểm kinh tế - kỹ thuật quy định tại Quyết định này và các Phụ lục ban hành kèm theo khi thực hiện kê khai giá; việc kê khai giá và các nội dung liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

4. Quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung đặc điểm kinh tế - kỹ thuật để đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về giá và

thực tiễn thị trường, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2026.
2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, XD₁. *Quyết*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Bá Hộ

Phụ lục I

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA ĐẤT SAN LẤP THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Stt	Tên hàng hóa/loại hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Ghi chú
1	Đất san lấp; đất dùng để đắp, san lấp; đất đắp	m ³	Đất tự nhiên hoặc đất đòi dùng làm vật liệu san lấp mặt bằng, đắp nền công trình và các công việc đắp khác theo yêu cầu kỹ thuật của công trình.	Các yêu cầu về độ chặt K95, K98 (nếu có) là chỉ tiêu sau thi công, được xác định theo hồ sơ thiết kế, tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy định kỹ thuật của công trình; không phải là đặc điểm có sẵn của vật liệu.

Phụ lục II
ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA CÁT XÂY DỰNG THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Stt	Tên hàng hóa/loại hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Ghi chú
1	Cát xây	m ³	Vật liệu dạng hạt dùng làm cốt liệu nhỏ cho vữa xây và các công tác xây phù hợp.	Các chỉ tiêu chất lượng, thành phần hạt và chỉ tiêu kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, hồ sơ thiết kế hoặc yêu cầu hợp đồng.
2	Cát trát	m ³	Vật liệu dạng hạt dùng làm cốt liệu nhỏ cho vữa trát, hoàn thiện bề mặt và các công tác trát phù hợp.	Các chỉ tiêu chất lượng, thành phần hạt và chỉ tiêu kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, hồ sơ thiết kế hoặc yêu cầu hợp đồng.
3	Cát đổ bê tông	m ³	Vật liệu dạng hạt dùng làm cốt liệu nhỏ cho bê tông, cấu kiện bê tông và các sản phẩm bê tông phù hợp.	Các chỉ tiêu chất lượng, thành phần hạt và chỉ tiêu kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, hồ sơ thiết kế hoặc yêu cầu hợp đồng.
4	Cát san lấp	m ³	Vật liệu dạng hạt dùng cho san lấp mặt bằng, đắp nền, xử lý nền và các công tác san lấp phù hợp.	Các chỉ tiêu chất lượng và kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, hồ sơ thiết kế hoặc yêu cầu hợp đồng.

Phụ lục III
ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA ĐÁ XÂY DỰNG CÁC LOẠI THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Stt	Tên hàng hóa/loại hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Ghi chú
1	Đá hộc	m ³	Đá xây dựng dạng hộc, cục, dùng cho xây, kè, móng, gia cố hoặc mục đích xây dựng phù hợp.	Chỉ tiêu chất lượng, kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, hồ sơ thiết kế hoặc yêu cầu hợp đồng.
2	Đá 4x6	m ³	Đá dăm được nghiền, sàng; kích cỡ danh định 4x6 cm.	Chỉ tiêu chất lượng, kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
3	Đá 2x4	m ³	Đá dăm được nghiền, sàng; kích cỡ danh định 2x4 cm.	Chỉ tiêu chất lượng, kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
4	Đá 1x2	m ³	Đá dăm được nghiền, sàng; kích cỡ danh định 1x2 cm.	Chỉ tiêu chất lượng, kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
5	Đá 0,5x1	m ³	Đá dăm được nghiền, sàng; kích cỡ danh định 0,5x1 cm.	Chỉ tiêu chất lượng, kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
6	Đá mi sàng, đá mặt	m ³	Sản phẩm hạt nhỏ thu được từ quá trình nghiền, sàng đá xây dựng.	Chỉ tiêu chất lượng, kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
7	Cấp phối đá dăm, Dmax 37,5 mm	m ³	Hỗn hợp cấp phối đá dăm được nghiền, sàng, phối trộn; cỡ hạt lớn nhất danh định Dmax 37,5 mm.	Chỉ tiêu chất lượng, kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.
8	Cấp phối đá dăm, Dmax 25 mm	m ³	Hỗn hợp cấp phối đá dăm được nghiền, sàng, phối trộn; cỡ hạt lớn nhất danh định Dmax 25 mm.	Chỉ tiêu chất lượng, kỹ thuật cụ thể thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng.